

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2019/HC-PT

Ngày 09/9/2019

V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Mạnh Hùng;
Ông Nguyễn Đức Nhận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Thu Hương, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 127/2019/TLPT-HC ngày 25 tháng 3 năm 2019 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 8549/2019/QĐPT-HC ngày 20 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh H; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Hoàng Văn Hà, luật sư Đoàn luật sư thành phố H; có mặt.

*** Người bị kiện:** - Ủy ban nhân dân huyện Z, tỉnh H;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Z, tỉnh H;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn B, Phó Chủ tịch; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Nguyễn Văn B1, Giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất và cụm công nghiệp huyện Z, tỉnh H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện đề ngày 28/4/2017, bổ sung ngày 23/5/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết sơ thẩm, người khởi kiện bà Nguyễn Thị A trình bày:

Ngày 01/7/2001, bà được UBND huyện Z cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là giấy CNQSD đất) 798 m² tại tờ bản đồ số 1, thửa số 52, trong đó 720 m² đất ở, 78 m² đất trồng cây tại thôn X, xã Y, huyện Z. Nguồn gốc đất là bố mẹ bà khai hoang từ khoảng năm 1990, sau đó cho bà và sử dụng ổn định đến nay.

Khi UBND huyện Z triển khai thu hồi đất để làm đường Q, thu hồi của hộ gia đình bà 147 m² đất (phần tiếp giáp mặt đường là 21 m, chiều sâu 7 m) nhưng không ban hành Quyết định thu hồi mà bà chỉ được UBND huyện Z cho biết diện tích đất này thuộc hành lang giao thông đường tỉnh Q nên không được bồi thường về đất, chỉ bồi thường cho bà tài sản trên đất là sân bê tông và các cây trồng trên đất.

Khoảng đầu tháng 8/2016, bà nhận được quyết định số: 211/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của UBND huyện Z “Về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 18 hộ gia đình, cá nhân dọc tuyến đường tỉnh Q tại xã Y, huyện Z, tỉnh H” (sau đây viết tắt là Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 29/7/2016), có nội dung: Thu hồi 18 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các hộ gia đình (trong đó có hộ gia đình bà) với lý do: Cấp không đúng diện tích, mục đích sử dụng, vi phạm chỉ giới hành lang an toàn giao thông đường bộ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai. Ngay sau đó, Ủy ban nhân dân huyện Z tổ chức thu hồi đất luôn.

Sau đó, bà nhận được Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 09/8/2016 có nội dung: Hủy 18 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Z đã cấp cho các hộ gia đình dọc Đường tỉnh Q thuộc địa phận xã Y, trong đó có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà cũng với lý do trên và do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không giao nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà A cho rằng việc UBND huyện ban hành 2 Quyết định nêu trên là trái pháp luật nhằm trốn tránh việc bồi thường, hỗ trợ đối với đất đã thu hồi của bà nên khởi kiện yêu cầu Tòa án:

1. Tuyên bố Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Z và Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 09/8/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Z là trái pháp luật;

2. Hủy một phần (phần liên quan đến bà Nguyễn Thị A) các quyết định nêu trên .

3. Yêu cầu UBND huyện Z ban hành quyết định mới có nội dung bồi thường, hỗ trợ về đất đối với 147 m² đất bị thu hồi.

Ủy ban nhân dân huyện Z trình bày tại văn bản số 703/UBND ngày 21/7/2017 :

Trong quá trình giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xây dựng Đường tỉnh Q trên địa phận thị trấn Y và xã Y đã phát hiện việc cấp giấy CNQSD đất của một số hộ gia đình dọc Đường tỉnh Q tại địa phận thị trấn Y và xã Y có những sai sót, dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. UBND huyện đã thành lập Đoàn thanh tra đột xuất việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với một số hộ gia đình, cá nhân dọc Đường tỉnh Q tại địa phận thị trấn Y và xã Y, huyện Z, tỉnh H (giai đoạn 1993 - 2013). Qua thanh tra phát hiện các sai sót trên một số giấy CNQSD, đối với Giấy CNQSD đất của bà Nguyễn Thị A có sai sót như: Không ghi thể hiện khoảng cách về chỉ giới hành lang an toàn giao thông; không ghi số vào sổ cấp giấy; không thể hiện vị trí đất ở và các loại đất khác. Ngoài ra, việc cấp giấy CNQSD đất cho bà Nguyễn Thị A còn không đúng quy định bảo vệ công trình giao thông đối với công trình giao thông đường bộ tại Nghị định số 172/1999/NĐ-CP, ngày 07/12/1999 của Chính Phủ, tại Khoản 1, Điều 5 “Giới hạn hành lang bảo vệ đối với đường” quy định: “Đối với đường ngoài khu vực đô thị căn cứ cấp kỹ thuật của đường theo quy hoạch, tính từ mép chân mái đường đắp hoặc mép đỉnh mái đường đào hoặc từ mép ngoài rãnh dọc hoặc từ rãnh đỉnh của đường trở ra hai bên là: 20m đối với đường cao tốc và đường cấp 1, cấp 2; 15m đối với đường cấp 3; 10m đối với đường cấp 4, cấp 5”; quy định tại Thông tư số 346/1998/TT-TCCĐC, ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quy định tại phần III, mục I, điểm d “Thửa đất hoặc một phần thửa đất nằm trong quy hoạch chuyển sang sử dụng vào mục đích khác thì ghi chú vị trí, diện tích nằm trong quy hoạch chuyển mục đích sử dụng và thời gian thực hiện quy hoạch. Những ràng buộc trong hành lang an toàn giao thông, thủy lợi trên từng thửa đất” và các nội dung khác.

Từ cơ sở nêu trên, UBND huyện Z đã căn cứ quy định Luật đất đai ban hành Quyết định số 221/QĐ-UBND, ngày 29/7/2016 về việc thu hồi giấy CNQSD đất đối với 18 hộ trong đó có Giấy CNQSD đất của bà Nguyễn Thị A và Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 9/8/2016 hủy bỏ GCN đã cấp.

UBND huyện đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A hủy các quyết định nêu trên và ban hành quyết định mới có nội dung bồi thường hỗ trợ 147 m² đất của bà. Do bà A không nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ủy ban đã

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 31/5/2018, Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính;

Điều 204 của Luật đất đai;

Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A về việc đề nghị:

- Tuyên bố một phần (phần liên quan đến bà Nguyễn Thị A) các: Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Z về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 18 hộ gia đình, các nhận dọc tuyến đường tỉnh Q tại xã Y, huyện Z, tỉnh H và Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 09/8/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Z về việc hủy 18 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các hộ gia đình, cá nhân tại xã Y, huyện Z, tỉnh H là trái pháp luật;

- Hủy một phần (phần liên quan đến bà Nguyễn Thị A) các: Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Z về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 18 hộ gia đình, các nhận dọc tuyến đường tỉnh Q tại xã Y, huyện Z, tỉnh H và Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 09/8/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Z về việc hủy 18 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các hộ gia đình, cá nhân tại xã Y, huyện Z, tỉnh H.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Z ban hành quyết định mới. Trong đó có nội dung: Bồi thường, hỗ trợ về đất đối với 147 m² đất bị thu hồi.

2. Về án phí: Miễn tiền án phí HCST cho bà Nguyễn Thị A.

Trả lại bà Nguyễn Thị A 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2010/000085 ngày 03/01/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh H.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/6/2018, bà Nguyễn Thị A có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện xác định không rút đơn khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bà A ủy quyền cho luật sư trình bày: Phần đất đã thu hồi của gia đình bà A sử dụng ổn định từ năm 1980, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc thu hồi không có biên bản đồ vẽ, không bồi thường phần đất đã thu hồi. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của bà A.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: Đất hành lang giao thông không được bồi thường theo quy định pháp luật. Sau khi hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã yêu cầu các hộ gia đình hợp tác để đo đạc cấp lại theo quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính kể từ khi thụ lý.

- Về nội dung: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình bà A không đúng quy định pháp luật, do đo cả hành lang giao thông mà pháp luật quy định không được cấp, trình tự thủ tục không đúng, do đó quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp là có căn cứ. Do hộ bà A không nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành quyết định hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 24 Luật tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến trình bày của các bên; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo quy định tại Điều 66, Điều 69, 106, Điều 106 Luật đất đai 2003, Ủy ban nhân dân huyện Z là cơ quan có thẩm quyền cấp, thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất và có thẩm quyền thu hồi, bồi thường, hỗ trợ về đất đối với hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi.

Do đó, TAND tỉnh H đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện ngày 28/4/2017 và đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A đối với phần liên quan đến bà A tại các Quyết định của UBND huyện Z là Quyết định số 221/QĐ-

UBND ngày 29/7/2016 “Về việc thu hồi GCNQSD đất đối với 18 hộ gia đình, cá nhân dọc tuyến đường tỉnh Q tại xã Y”, Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 09/8/2016 “Về việc hủy 18 GCNQSD đất đã cấp cho các hộ gia đình, cá nhân tại xã Y” và yêu cầu UBND huyện Z ban hành Quyết định mới thu hồi và bồi thường đối với 147m² đất đã thực tế thu hồi của bà, là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

Đơn kháng cáo ngày 04/6/2018 của bà Nguyễn Thị A là hợp lệ, được chấp nhận xem xét kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị A:

[2.1] Đối với Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 “Về việc thu hồi GCNQSD đất đối với 18 hộ gia đình, cá nhân dọc tuyến đường tỉnh Q tại xã Y” trong đó có GCN số Q011449 cấp ngày 01/7/2001 cấp cho bà A:

- Điều 7 của Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), quy định rõ vị trí, quyền hạn đất bảo vệ hành lang giao thông đối với đường tỉnh tính từ mép ngoài đường và nghiêm cấm sử dụng đất hành lang. Tại Quyết định số 52/UB ngày 03/6/1995 của UBND tỉnh H về việc phân cấp quản lý đường bộ đã xác định đường tỉnh P có điểm đầu là A, huyện N, điểm cuối là B, huyện Z có chiều dài 39,3 km. Nghị định số 172/1999/NĐ-CP ngày 07/12/1999 của Chính phủ, tại khoản 1 Điều 5 quy định: Giới hạn hành lang bảo vệ đối với đường: “Đối với đường ngoài khu vực đô thị căn cứ cấp kỹ thuật của đường theo qui hoạch, tính từ mép chân mái đường đắp hoặc mép đỉnh mái đường đào hoặc từ mép ngoài rãnh dọc hoặc từ rãnh đỉnh của đường trở ra hai bên là 20m đối với đường cao tốc và đường cấp 1, cấp 2; 15 m đối với đường cấp 3; 10 m đối với đường cấp 4, cấp 5”. Tại Quyết định số 03/2006/QĐ-UBND ngày 10/01/2005 của UBND tỉnh H v/v Đặt lại số hiệu đường tỉnh thì đường tỉnh 298 được nhập vào đường tỉnh Q. Tại khu vực này, trước đây, UBND tỉnh H đã xác định đất hành lang là **5m**.

Khi thực hiện quy trình GPMB mở rộng đường Q, thực tế có nhiều hộ dân sử dụng đất sát mép đường Q. Qua kiểm tra hồ sơ cấp GCN cho các hộ dân, UBND huyện Z đã phát hiện các GCN không thể hiện khoảng cách về chỉ giới hành lang an toàn giao thông, không đúng quy định về bảo vệ công trình giao thông đối với công trình giao thông đường bộ; không thông qua Hội đồng xét duyệt cấp GCN, không có đơn xin cấp cũng không ghi số vào sổ cấp giấy, không thể hiện vị trí đất ở và các loại đất khác. Việc không thể hiện HLGT là không thực hiện đúng các quy định nêu trên và qui định tại Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính tại phần III, mục I, điểm d qui định: “Thửa đất hoặc một phần thửa đất nằm trong qui hoạch chuyển sang sử dụng vào mục đích khác thì ghi chủ vị trí, diện tích nằm trong

qui hoạch chuyển mục đích sử dụng và thời gian thực hiện qui hoạch. Những ràng buộc trong hành lang an toàn giao thông, thủy lợi trên từng thửa đất”.

- Hộ gia đình bà A nằm trong các hộ gia đình đang sử dụng đất sát lề đường Q, đã được cấp GCNQSD năm 2001 có cả phần đất hành lang giao thông đường bộ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà A **thừa nhận lề đường từ trước khi đo đạc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.**

Về nguồn gốc đất: Trước khi được cấp GCNQSD đất năm 2001, gia đình chưa có giấy tờ gì hợp pháp về quyền sử dụng đất. Tại văn bản số 129/CV-UBND ngày 04/12/2017 của UBND xã Y thể hiện không có tài liệu nào chứng minh gia đình bà A sử dụng diện tích đất có bề mặt tiếp giáp đường tỉnh Q, sâu 5m từ năm 1990.

Như vậy, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà A năm 2001 không bảo đảm đủ thủ tục, cấp cả đất HLGT nên căn cứ Kết luận thanh tra số 357.KL-UBND ngày 20/5/2016, UBND huyện Z ban hành Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tổ chức cấp lại GCNQSD đất theo đúng quy định tại Điều 106 Luật đất đai, là đúng trình tự, thủ tục.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A về việc hủy phần Quyết định này, là đúng.

Bà A cũng không cung cấp được giấy tờ gì chứng minh đã sử dụng ổn định trước khi Nhà nước quy định về mốc giới an toàn giao thông, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

[2.2] Đối với phần Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 09/8/2016 “Về việc *hủy 18 GCNQSD đất đã cấp cho các hộ gia đình, cá nhân tại xã Y*”, trong đó có GCN cấp cho bà A:

Chi nhánh VPĐKQD đất huyện Z cũng đã có Thông báo số 07/TB-CNVPĐKĐĐ để các hộ gia đình biết và nêu rõ nếu không nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cấp lại thì UBND huyện sẽ thu hồi GCN. Tuy nhiên, bà A không thực hiện việc giao nộp GCN nên UBND huyện đã ban hành Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 09/8/2016 hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà A, là đúng trình tự, thủ tục quy định tại khoản 7 Điều 87 Nghị định 43/2014.

Do đó, tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu của bà A về việc hủy phần Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 09/8/2016 nêu trên là có căn cứ, nên cũng không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo.

[2.3] Đối với yêu cầu buộc UBND huyện Z ban hành Quyết định hành chính mới có nội dung thu hồi, bồi thường 147m² đất đã thu hồi (21m ngang x 7m rộng) giáp đường Q nằm trong diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001:

Bà A không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh phần đất thu hồi là 7m cách lề đường mà chỉ ước tính (B1 94). UBND huyện Z xác nhận phần đất phía trước giáp đường thu hồi là thuộc đất hành lang giao thông, không thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của bà A nên không ban hành quyết định thu hồi và không bồi thường đối với đất hành lang giao thông.

Tại lời khai ngày 03/7/2017, bà A cũng thừa nhận khi thu hồi bà đã được UBND huyện Z cho biết diện tích đất này thuộc hành lang giao thông đường tỉnh Q nên không được bồi thường về đất và bà đã nhận tiền không thắc mắc gì. Như vậy, đến ngày 28/4/2017 bà A mới yêu cầu hủy 2 Quyết định thu hồi và hủy GCN để làm căn cứ yêu cầu UBND huyện Z ban hành mới Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường về đất, nhưng yêu cầu khởi kiện của bà hủy các quyết định trên không được chấp nhận nên cũng không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của bà A.

Đất đã cấp GCNQSD cho bà A còn lại 367,5 m² đất ở trước khi thu hồi, nhưng đo đạc thực tế ngày 12/5/2018 là 417,9m². Số liệu đo đạc đất do UBND huyện Z cung cấp tuy có nhiều điểm chưa rõ, nhưng do GCN cấp năm 2001 không đúng diện tích, vị trí đất,... đã bị hủy, sau đó cơ quan có thẩm quyền sẽ đo đạc thực tế và đối chiếu quy định pháp luật cấp lại GCN cho bà A theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày sau khi ban hành các Quyết định trên, cũng đã nhiều lần thông báo để bà đến làm thủ tục cấp lại GCN không đến và xác nhận sẽ cấp GCN cho bà A phần đất còn lại khi bà có đơn và làm hồ sơ.

[3] Bản án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A là có cơ sở, nên đề nghị của đại diện VKSNDCC tại Hà Nội về việc không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà A là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242, khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị A; giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

2. Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị A.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H ;
- VKSND tỉnh H;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương